

Số: 157/BC- STNMT

Điện Biên, ngày 10 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

Đánh giá thực trạng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên cả vợ và chồng trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Thực hiện Văn bản số 601/TCQLĐĐ ngày 10/4/2019 của Tổng cục Quản lý đất đai về việc báo cáo đánh giá thực trạng việc cấp Giấy chứng nhận mang tên vợ chồng, sau khi tổng hợp, rà soát kết quả của các huyện, thành phố và thị xã, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên báo cáo thực trạng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận) mang tên vợ chồng trên địa bàn tỉnh Điện Biên như sau:

1. Thực trạng cấp Giấy chứng nhận:

1.1. Kết quả cấp Giấy chứng nhận:

a) Đất nông nghiệp:

- Số Giấy chứng nhận đã cấp cho hộ gia đình là: 40.618 giấy, trong đó:
 - + Số Giấy chứng nhận đã cấp cho hộ gia đình ghi tên cả vợ và chồng là: 38.742 giấy;
 - + Số Giấy chứng nhận đã cấp cho phụ nữ là đại diện hộ gia đình là: 855 giấy;
 - + Số Giấy chứng nhận đã cấp cho nam giới là đại diện hộ gia đình là: 1.021 giấy;
- Số giấy chứng nhận đã cấp ghi tên cả vợ và chồng: 16.435 giấy, trong đó:
 - + Số Giấy chứng nhận đã cấp ghi tên cả vợ và chồng: 12.768 giấy;
 - + Số Giấy chứng nhận đã cấp ghi tên chồng: 2.162 giấy;
 - + Số Giấy chứng nhận đã cấp ghi tên vợ là: 1.505 giấy;
- Số giấy chứng nhận đã cấp cho cá nhân là: 2.276 giấy, cụ thể:
 - + Số giấy chứng nhận đã cấp cho cá nhân là nam giới là: 857 giấy;
 - + Số giấy chứng nhận đã cấp cho cá nhân là nữ giới là: 1.419 giấy;
- Số giấy chứng nhận đã cấp cho hộ gia đình mà đã thực hiện cấp đổi:
 - + Số Giấy chứng nhận đã cấp đổi cho hộ gia đình là: 6 giấy;

- + Số Giấy chứng nhận đã cấp đổi ghi tên cả vợ và chồng là: 319 giấy;
- + Số Giấy chứng nhận đã cấp đổi ghi tên vợ là: 04 giấy;

(Chi tiết tại Biểu 01)

b) Đất ở:

- Số Giấy chứng nhận đã cấp cho hộ gia đình là: 30.477 giấy, trong đó:
 - + Số Giấy chứng nhận đã cấp cho hộ gia đình ghi tên cả vợ và chồng là: 29.805 giấy;
 - + Số Giấy chứng nhận đã cấp cho phụ nữ là đại diện hộ gia đình là: 354 giấy;
 - + Số Giấy chứng nhận đã cấp cho nam giới là đại diện hộ gia đình là: 318 giấy;
- Số giấy chứng nhận đã cấp ghi tên cả vợ và chồng: 18.438 giấy, trong đó:
 - + Số Giấy chứng nhận đã cấp ghi tên cả vợ và chồng: 11.647 giấy;
 - + Số Giấy chứng nhận đã cấp ghi tên chồng: 4.133 giấy;
 - + Số Giấy chứng nhận đã cấp ghi tên vợ là: 2.658 giấy;
- Số giấy chứng nhận đã cấp cho cá nhân là: 1.625 giấy, cụ thể:
 - + Số giấy chứng nhận đã cấp cho cá nhân là nam giới là: 605 giấy;
 - + Số giấy chứng nhận đã cấp cho cá nhân là nữ giới là: 1.020 giấy;
- Số giấy chứng nhận đã cấp cho hộ gia đình mà đã thực hiện cấp đổi:
 - + Số Giấy chứng nhận đã cấp đổi cho hộ gia đình là: 1.628 giấy;
 - + Số Giấy chứng nhận đã cấp đổi ghi tên cả vợ và chồng là: 543 giấy;
 - + Số Giấy chứng nhận đã cấp đổi ghi tên chồng là: 65 giấy;
 - + Số Giấy chứng nhận đã cấp đổi ghi tên vợ là: 35 giấy;

(Chi tiết tại Biểu 02)

c) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Đã cấp 04 Giấy chứng nhận.

- Số Giấy chứng nhận đã cấp có ghi tên vợ và tên chồng: 02 giấy
- Số Giấy chứng nhận đã cấp cho cá nhân: 02 giấy, trong đó:
 - + Số Giấy chứng nhận đã cấp cho cá nhân là nam giới là: 01 giấy;
 - + Số Giấy chứng nhận đã cấp cho cá nhân là nữ giới là: 01 giấy;

(Chi tiết tại Biểu 03)

1.2 Về nội dung Giấy chứng nhận mang tên vợ và chồng được thực hiện đối với huyện có dự án do Ngân hàng Thế giới hỗ trợ

Dự án cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ và chồng do Chính phủ Đan Mạch tài trợ trên địa bàn huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên thực hiện từ tháng 12/2007 đến tháng 11/2009, đạt được kết quả như sau:

Đến thời điểm hiện nay, tổng số hồ sơ đăng ký đã được chuyển lên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Điện Biên thẩm tra, xét duyệt là: 8.181 hồ sơ. Trong đó:

- Số hồ sơ đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận là: 4.957 hồ sơ/8.500 hồ sơ cần cấp.

- Số hồ sơ đăng ký cấp mới Giấy chứng nhận là: 3.224 hồ sơ/6.500 hồ sơ cần cấp.

- Số Giấy chứng nhận cấp mới, cấp đổi đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Điện Biên thẩm định là 3.263 GCN/15.000 Giấy chứng nhận cần cấp đạt 21.7% (Số hồ sơ trên đã được in Giấy chứng nhận và trình ký). Trong đó:

+ Cấp đổi Giấy chứng nhận: 1.763 GCN trên tổng số 8.500 Giấy chứng nhận cần cấp.

+ Cấp mới Giấy chứng nhận: 1.500 GCN trên tổng số 6.500 Giấy chứng nhận cần cấp.

Số hồ sơ còn lại Phòng tài nguyên và Môi trường đã thẩm định là 4.918 hồ sơ chưa đạt yêu cầu đã trả lại các đơn vị tư vấn.

- So sánh các kết quả đã đạt được so với mục tiêu đề ra:

Dự án cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ và chồng tại địa bàn 10 xã, huyện Điện Biên, số Giấy chứng nhận được cấp mới là 1.763 Giấy chứng nhận trên tổng số 8.500 Giấy chứng nhận cần cấp; số Giấy chứng nhận được cấp mới là 1.500 Giấy chứng nhận trên tổng số 6.500 Giấy chứng nhận cần cấp. Mục tiêu dài hạn của Dự án là tăng cường bình đẳng giới giữa nam và nữ ở các khu vực nông thôn Việt Nam. Mục tiêu ngắn hạn là đảm bảo sự bình đẳng trong việc tiếp cận đất đai giữa phụ nữ và nam giới ở các vùng nông thôn Việt Nam, nâng cao vai trò và quyền tự chủ của phụ nữ trong sản xuất và trong gia đình.

Dự án triển khai đã góp phần nâng cao nhận thức của người dân nói chung và phụ nữ nói riêng trong việc tiếp cận đất đai, xây dựng quan điểm đúng đắn về sự bình đẳng giới, tạo ra sự đồng thuận trong việc bảo vệ quyền của phụ nữ đối với tài sản là nhà, đất. Việc thay đổi nhận thức về quyền lợi và vai trò của phụ nữ trong sản xuất và gia đình đã tạo ra động lực để nhân dân tích cực lao động, giảm tỷ lệ đói, nghèo trên địa bàn huyện.

- So sánh kết quả với tình trạng trước khi thực hiện dự án về mặt bình đẳng giới:

Theo số liệu cấp Giấy chứng nhận từ những năm về trước, việc cấp giấy chứng nhận chủ yếu cấp cho cá nhân là đại diện chủ hộ gia đình, do vậy phần

lớn Giấy chứng nhận được cấp cho cá nhân là nam giới, tỷ lệ nữ giới đứng tên trên Giấy chứng nhận chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ. Việc cấp Giấy chứng nhận nói chung mới chỉ phổ biến cho cá nhân (chủ yếu là tên chồng), tỷ lệ cấp Giấy chứng nhận mang tên cả vợ và chồng rất thấp. Tuy nhiên sau khi thực hiện dự án tỷ lệ Giấy chứng nhận mang tên vợ và chồng tăng lên đáng kể, từ đó tác động tích cực đến nhận thức của người dân, phụ nữ sẽ tìm ra các biện pháp để tự bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình; người dân sẽ có nhận thức đúng đắn về vai trò, vị trí của người phụ nữ trong gia đình và xã hội.

2. Tác động của việc cấp Giấy chứng nhận mang tên vợ và chồng:

a) Tác động đối với xã hội:

- Đảm bảo sự bình đẳng trong việc tiếp cận đất đai giữa phụ nữ và nam giới ở các vùng nông thôn;
- Góp phần nâng cao vai trò và quyền tự chủ của phụ nữ trong sử dụng đất đai cũng như trong sản xuất và trong gia đình;

b) Đối với người sử dụng đất:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng đất khi thực hiện các quyền của mình, góp phần làm cho thị trường bất động sản ngày càng minh bạch hơn;
- Thay đổi nhận thức của người cha, người mẹ, người chồng, người vợ trong gia đình về ý nghĩa pháp lý, giá trị trong xã hội của việc công nhận quyền có tên của người phụ nữ cùng với tên chồng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Cung cấp hiểu biết pháp luật đất đai về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi tên vợ và chồng cho cán bộ và nhân dân địa phương.

3. Đánh giá hiệu quả:

Việc cấp Giấy chứng nhận mang tên vợ chồng góp phần đem lại cơ sở khoa học cho việc hoạch định và hoàn thiện những chính sách của Nhà nước về bình đẳng giới trong lĩnh vực đất đai, đặc biệt là trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Đề xuất, kiến nghị

- Đề xuất, kiến nghị nhằm thúc đẩy sự bình đẳng, góp phần nâng cao vị thế, tính sáng tạo và chủ động của người phụ nữ: Cần thay đổi nhận thức và thái độ của xã hội về quan hệ bình đẳng giới. Tăng cường giáo dục, tuyên truyền nhằm nâng cao trình độ nhận thức của xã hội trong việc nhìn nhận vai trò và vị thế của người phụ nữ.
- Đề xuất, kiến nghị giải pháp để triển khai thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận mang tên vợ và chồng:
 - + Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

+ Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật đất đai sâu rộng hơn, đặc biệt là người phụ nữ ở vùng sâu vùng xa.

+ Tăng cường công tác tập huấn nghiệp vụ, chuyên môn cho cán bộ, công chức ngành tài nguyên và môi trường, cập nhật kịp thời các văn bản mới trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

+ Khuyến nghị người sử dụng đất cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ghi tên một người là chồng hoặc vợ sang ghi tên cả vợ và chồng.

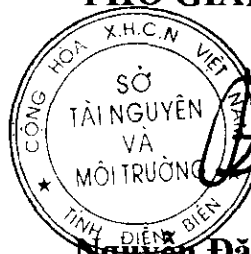
Trên đây là báo cáo về thực trạng việc cấp giấy chứng nhận mang tên vợ và chồng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Nơi nhận:

- Tổng cục QLDD;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đăng Nam

BẢNG 1: THÔNG KÊ SỐ LIỆU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

(Kèm theo Báo cáo số 457/BC-STNMT, ngày 07 tháng 7 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên)

| STT | Đơn vị hành chính | Số GCN cấp cho hộ gia đình | | | | Số GCN đã cấp cho tài sản là của cả vợ và chồng | | | | Số GCN đã cấp cho cá nhân | | Số GCN đã cấp cho hộ gia đình mà đã thực hiện cấp đổi | | | | Ghi chú (Thời điểm tổng hợp số liệu) |
|-----|----------------------|----------------------------|------------------------|---------------|------------|---|------------------------|---------------|------------|---------------------------|---------|---|--|---------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|
| | | Tổng | Ghi tên cả vợ và chồng | Ghi tên chồng | Ghi tên vợ | Tổng | Ghi tên cả vợ và chồng | Ghi tên chồng | Ghi tên vợ | Nam giới | Nữ giới | Số GCN đã cấp cho hộ gia đình | Số GCN đã cấp đổi ghi tên cả vợ và chồng | Số GCN đã cấp đổi ghi tên chồng | Số GCN đã cấp đổi ghi tên vợ | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| 1 | Huyện Điện Biên | | | | | 9,163 | 5,496 | 2,162 | 1,505 | | | | | | | Từ tháng 7/2004 đến ngày 31/3/2019 |
| 2 | Huyện Điện Biên Đông | 14,122 | 13. 63 | 94 | 65 | 0 | | | | 82 | 617 | 0 | | | | Từ tháng 6/2013 đến ngày 31/3/2019 |
| 3 | Huyện Mường Nhé | 6,303 | 5,730 | 202 | 371 | 0 | | | | | | 0 | | | | Từ năm 2013 đến ngày 31/3/2019 |
| 4 | Huyện Nậm Pồ | 51 | 12 | 39 | | 0 | | | | 19 | 2 | 1 | | | | Từ tháng 6/2013 đến ngày 31/3/2019 |
| 5 | Huyện Mường Chà | 4,406 | 3,983 | 400 | 23 | 0 | | | | 347 | 189 | 0 | | | | Từ năm 1999 đến ngày 31/3/2019) |
| 6 | Huyện Mường Ảng | 567 | 464 | 64 | 39 | 2,210 | 2,210 | | | 52 | 249 | | 310 | | | Từ tháng 01/2006 đến ngày 31/3/2019) |

| TT | Đơn vị hành chính | Số GCN cấp cho hộ gia đình | | | | Số GCN đã cấp cho tài sản là của cả vợ và chồng | | | | Số GCN đã cấp cho cá nhân | | Số GCN đã cấp cho hộ gia đình mà đã thực hiện cấp đổi | | | | Ghi chú (Thời điểm tổng hợp số liệu) |
|-----------------------|-------------------|----------------------------|------------------------|---------------|------------|---|------------------------|---------------|--------------|---------------------------|--------------|---|--|---------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|
| | | Tổng | Ghi tên cả vợ và chồng | Ghi tên chồng | Ghi tên vợ | Tổng | Ghi tên cả vợ và chồng | Ghi tên chồng | Ghi tên vợ | Nam giới | Nữ giới | Số GCN đã cấp cho hộ gia đình | Số GCN đã cấp đổi ghi tên cả vợ và chồng | Số GCN đã cấp đổi ghi tên chồng | Số GCN đã cấp đổi ghi tên vợ | |
| 9 | Thị xã Mường Lay | 2.354 | 2.354 | | | 0 | | | | | | 2 | | | | Từ tháng 12/2011 đến ngày 31/3/2019 |
| Tổng toàn tỉnh | | 40.618 | 38.742 | 1.021 | 855 | 16.435 | 12.768 | 2.162 | 1.505 | 857 | 1.419 | 6 | 319 | 0 | 4 | |

Người lập biểu



Lò Thị Lan

BẢNG 2: THÔNG KÊ SỐ LIỆU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẤT Ở CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

(Kèm theo Báo cáo số 15/BC-STNMT, ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên)

| STT | Đơn vị hành chính | Số GCN cấp cho hộ gia đình | | | | Số GCN đã cấp cho tài sản là của cả vợ và chồng | | | | Số GCN đã cấp cho cá nhân | | Số GCN đã cấp cho hộ gia đình mà đã thực hiện cấp đổi | | | | Ghi chú |
|-----|-------------------------|----------------------------|------------------------|---------------|------------|---|------------------------|---------------|------------|---------------------------|---------|---|--|---------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|
| | | Tổng | Ghi tên cả vợ và chồng | Ghi tên chồng | Ghi tên vợ | Tổng | Ghi tên cả vợ và chồng | Ghi tên chồng | Ghi tên vợ | Nam giới | Nữ giới | Số GCN đã cấp cho hộ gia đình | Số GCN đã cấp đổi ghi tên cả vợ và chồng | Số GCN đã cấp đổi ghi tên chồng | Số GCN đã cấp đổi ghi tên vợ | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| 1 | Huyện Điện Biên | | | | | 13,258 | 6,836 | 4,016 | 2,406 | | | | | | | Từ tháng 7/2004 đến ngày 31/3/2019 |
| 2 | Thành phố Điện Biên Phủ | 13,106 | 13,106 | | | | | | | | | | | | | Từ năm 1998 đến ngày 31/3/2019 |
| 3 | Huyện Điện Biên Đông | 4,297 | 4,156 | 87 | 54 | | | | | 56 | 285 | | | | | Từ tháng 6/2013 đến ngày 31/3/2019 |
| 4 | Huyện Mường Nhé | 2,430 | 2,201 | 91 | 138 | | | | | | | 50 | 30 | 12 | 8 | Từ năm 2013 đến ngày 31/3/2019 |
| 5 | Huyện Nậm Pồ | 65 | 61 | 4 | | | | | | 73 | 39 | 4 | 14 | | | Từ tháng 6/2013 đến ngày 31/3/2019 |
| 6 | Huyện Mường Chà | 1,586 | 1,586 | | | | | | | 38 | 86 | 202 | 154 | 35 | 13 | Từ năm 1999 đến ngày 31/3/2019) |
| 7 | Huyện Mường Ảng | 4 | 2 | 1 | 1 | 3,890 | 3,890 | | | 119 | 342 | | | 14 | | Từ tháng 01/2006 đến ngày 31/3/2019) |
| 8 | Huyện Tủa Chùa | 5,625 | 5,394 | 96 | 135 | 902 | 540 | 113 | 249 | 27 | 74 | 305 | 287 | 4 | 14 | Từ tháng 6/2019 đến ngày 31/3/2019) |

| STT | Đơn vị hành chính | Số GCN cấp cho hộ gia đình | | | | Số GCN đã cấp cho tài sản là của cả vợ và chồng | | | | Số GCN đã cấp cho cá nhân | | Số GCN đã cấp cho hộ gia đình mà đã thực hiện cấp đổi | | | | Ghi chú |
|----------------|-------------------|----------------------------|------------------------|---------------|------------|---|------------------------|---------------|------------|---------------------------|---------|---|--|---------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|
| | | Tổng | Ghi tên cả vợ và chồng | Ghi tên chồng | Ghi tên vợ | Tổng | Ghi tên cả vợ và chồng | Ghi tên chồng | Ghi tên vợ | Nam giới | Nữ giới | Số GCN đã cấp cho hộ gia đình | Số GCN đã cấp đổi ghi tên cả vợ và chồng | Số GCN đã cấp đổi ghi tên chồng | Số GCN đã cấp đổi ghi tên vợ | |
| 9 | Huyện Tuần Giáo | 652 | 587 | 39 | 26 | | | | | 292 | 194 | 58 | 58 | | | Từ năm 2006 đến ngày 31/3/2019) |
| 10 | Thị xã Mường Lay | 2.712 | 2.712 | | | 388 | 381 | 4 | 3 | | | 1.009 | | | | Từ tháng 12/2011 đến ngày 31/3/2019 |
| Tổng toàn tỉnh | | 30.477 | 29.805 | 318 | 354 | 18.438 | 11.647 | 4.133 | 2.658 | 605 | 1.020 | 1.628 | 543 | 65 | 35 | 0 |

Người lập biểu



Lò Thị Lan

BẢNG 3: THỐNG KÊ SỐ LIỆU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

(Kèm theo Báo cáo số ST/BC-STNMT, ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên)

| STT | Đơn vị hành chính | Số GCN cấp cho hộ gia đình | | | | Số GCN đã cấp cho tài sản là của cả vợ và chồng | | | | Số GCN đã cấp cho cá nhân | | Số GCN đã cấp cho hộ gia đình mà đã thực hiện cấp đổi | | | | Ghi chú |
|----------------|-------------------|----------------------------|------------------------|---------------|------------|---|------------------------|---------------|------------|---------------------------|---------|---|--|---------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|
| | | Tổng | Ghi tên cả vợ và chồng | Ghi tên chồng | Ghi tên vợ | Tổng | Ghi tên cả vợ và chồng | Ghi tên chồng | Ghi tên vợ | Nam giới | Nữ giới | Số GCN đã cấp cho hộ gia đình | Số GCN đã cấp đổi ghi tên cả vợ và chồng | Số GCN đã cấp đổi ghi tên chồng | Số GCN đã cấp đổi ghi tên vợ | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| 1 | Huyện Mường Ảng | | | | | 2 | 2 | | | 1 | 1 | | | | | Từ tháng 01/2006 đến ngày 31/3/2019 |
| Tổng toàn tỉnh | | | | | | 2 | 2 | | | 1 | 1 | | | | | |

Người lập biểu



Lò Thị Lan